

Số: 03/2019/QĐST-VDS

Vinh Yên, ngày 23 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN , TỈNH VP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Đường

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên họp:

Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh VP mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 120/2018/TLST-VDS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Cụ Nguyễn Quốc B, sinh năm 1932; trú tại: Tổ dân phố LS, phường ĐT, thành phố VY , tỉnh VP (vắng mặt).

Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với:

Bà Bùi Thị M, sinh năm 1973; nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố Lai Sơn, phường ĐT, thành phố VY , tỉnh VP;

Chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1992; nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố Lai Sơn, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh VP.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và lời khai cụ Nguyễn Quốc B trình bày: Cụ là bố đẻ của ông Nguyễn Quốc Q, ông Q kết hôn với bà Bùi Thị M và sinh được 02 người con là chị Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Quốc Sơn H, sinh năm 1994. Năm 2009 ông Q chết, sau khi ông Q chết, bà M ở nhà chăm sóc hai con. Năm 2016, cụ B nghe thông tin bà M đi lấy chồng tại thôn HV, xã HS, huyện B X, tỉnh VP nhưng cụ không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, sau đó bà M vẫn thỉnh thoảng về địa phương nhưng không về gia đình cụ. Nay do bà M không có mặt tại tổ dân phố LS, phường ĐT, thành phố nên cụ B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố VY thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Bùi Thị M.

Chị Nguyễn Thị Hương G (con gái của bà M) kết hôn với anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1989 khoảng năm 2011, 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở tại tổ dân phố LS, phường ĐT, thành phố VY. Khoảng năm 2017, chị G đi

lao động tại TQ, địa chỉ cụ thể làm ở đâu thì cụ B không biết nhưng chị G vẫn thỉnh thoảng về thăm nhà, mỗi năm về nhà khoảng 2- 3 lần, mỗi lần 1- 2 ngày chị lại đi làm ăn, lần về gần nhất là khoảng tháng 11/2018 do cháu H nói lại. Nay chị G không có mặt tại tổ dân phố LS, phường ĐT, thành phố nên cụ B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Nguyễn Thị Hương G.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm mở phiên họp. Tại phiên họp, Thẩm phán và thư ký phiên họp tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia phiên họp đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 64 của Bộ luật dân sự; điểm h khoản 1 Điều 369; Điều 370; Điều 381 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu của cụ Nguyễn Quốc B yêu cầu Tòa án ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Bùi Thị M và chị Nguyễn Thị Hương G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố nhận định:

[1] Tại biên bản xác minh ngày 07/01/2019, Ủy ban nhân dân phường ĐT, thành phố xác nhận: Bà Bùi Thị M kết hôn với ông Nguyễn Quốc Q và sinh được 02 người con là Nguyễn Thị Hương G và anh Nguyễn Quốc Sơn H. Năm 2009 ông Q chết, sau khi ông Q chết, bà M ở nhà chăm sóc hai con. Đến năm 2016, bà M đi lấy chồng tại thôn HV, xã HS, huyện BX, tỉnh VP. Sau đó thỉnh thoảng bà M vẫn về tổ dân phố LS, phường ĐT, thành phố VY .

[2] Kết quả xác minh tại Công an phường ĐT, thành phố VY được Công an phường xác nhận: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1973 và chị Nguyễn Thị Hương G đều có hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Lai Sơn, phường ĐT, thành phố VY , tỉnh VP. Hiện nay hộ khẩu của bà Bùi Thị M và chị Nguyễn Thị Hương G vẫn ở tại tổ dân phố Lai Sơn, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh VP.

[3] Tại biên bản xác minh ngày 08/01/2019, Ủy ban nhân dân xã HS, huyện BX, tỉnh VP xác nhận: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1973 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố LS, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh VP có đăng ký kết hôn với ông Chu Đức H, sinh năm 1970 có hộ khẩu tại thôn HV, xã HS, huyện BX vào ngày 27/11/2016. Sau khi kết hôn bà M về chung sống cùng gia đình ông H cho đến nay. Bà Bùi Thị M chưa chuyển khẩu về xã HS, huyện BX, tỉnh VP và cũng không đăng ký tạm trú tại xã HS, huyện BX, tỉnh VP.

[4] Tại bản tự khai của chị Nguyễn Thị Hương G, chị G trình bày: Chị là con gái của ông Nguyễn Quốc Q và bà Bùi Thị M, năm 2011 chị kết hôn với anh Nguyễn Minh Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng gia đình nhà chồng ở tại

tổ dân phố LS, phường ĐT, thành phố . Cuối năm 2017 chị đi làm thuê tại thành phố MC, tỉnh QN cho đến nay, hàng tháng chị vẫn về thăm con và thăm gia đình, chị mới về gia đình để ăn tết từ ngày 17/01/2019, sau khi ăn tết xong chị lại tiếp tục đi làm ăn.

Theo Luật cư trú năm 2006 tại Điều 12 quy định:

“1. Nơi cư trú của công dân là chỗ ở hợp pháp mà người đó thường xuyên sinh sống. Nơi cư trú của công dân là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú

Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống thường xuyên, ổn định, không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú.

Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống ngoài nơi đăng ký thường trú và đã đăng ký tạm trú.

2. Trường hợp không xác định được nơi cư trú của công dân theo quy định tại khoản 1 Điều này thì nơi cư trú của công dân là nơi người đó đang sinh sống”

[5] Như vậy bà Bùi Thị M có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố LS, phường ĐT nhưng bà M không ở tại tổ dân phố LS, phường ĐT mà bà M đang sinh sống tại gia đình nhà chồng ở thôn HV, xã HS, huyện BX từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay, tuy nhiên bà M không đăng ký tạm trú tại thôn HV, xã HS, huyện BX. Vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật cư trú thì xác định nơi cư trú của bà M là ở thôn HV, xã HS, huyện BX. Còn đối với chị Nguyễn Thị Hương G mặc dù đi làm ăn ở nơi khác nhưng chị vẫn thỉnh thoảng về thăm gia đình, cụ thể là ngày 17/01/2019 chị về gia đình ăn tết.

[6] Xét việc cụ Nguyễn Quốc B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố VY ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Bùi Thị M và chị Nguyễn Thị Hương G là không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 64 Bộ luật dân sự năm 2015 là biệt tích 06 tháng liền trở lên, không có bất cứ thông tin gì về nơi cư trú của người đó. Vì vậy yêu cầu của cụ B là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ, được chấp nhận.

[8] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Yêu cầu của cụ Nguyễn Quốc B không được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên do cụ là người cao tuổi nên cụ được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 4; điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016 UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 64 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm h khoản 1 Điều 369; Điều 370; Điều 381 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của cụ Nguyễn Quốc B đối với bà Bùi Thị M, sinh năm 1973 và chị Nguyễn

Thị Hương G, sinh năm 1992; đều có địa chỉ cư trú: Tổ dân phố LS, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh VP.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Cụ Nguyễn Quốc B được miễn nộp tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp tỉnh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố ;
- Chi cục THADS thành phố ;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Đường

